

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

**Báo cáo tài chính đã được soát xét**

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018**



# MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	<b>Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	2 - 4
2	<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	5
3	<b>Báo cáo tài chính đã được soát xét</b>	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 28

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018.

#### **1. Thông tin chung**

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áp; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tẩu hút xì gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch HĐQT	
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT	
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT	
Ông Chu Văn Đệ	Thành viên HĐQT	
Ông Đỗ Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
Bà Phan Vũ Thúy Anh	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 29/5/2018

##### **Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm**

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc	
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Giám đốc điều hành	Nghỉ hưu ngày 01/04/2018

#### **3. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

#### **4. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**5. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**Phạm Văn Đô**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018*

Số: 043/2018/BCSX-PB.00163

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty cổ phần X20**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần X20 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2018, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần X20 tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**PHẠM TUẤN VŨ**

**Phó Giám đốc**

*Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>385.552.245.095</b>	<b>552.470.449.137</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>58.800.706.639</b>	<b>68.693.422.599</b>
1. Tiền	111		58.800.706.639	68.693.422.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>164.996.516.246</b>	<b>249.936.051.938</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	111.316.330.290	232.448.211.908
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		40.532.136.157	7.511.538.731
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	13.148.049.799	9.976.301.299
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>156.377.199.304</b>	<b>233.490.257.753</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	156.399.564.782	233.512.623.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.365.478)	(22.365.478)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.377.822.906</b>	<b>350.716.847</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	319.496.812	350.716.847
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.321.760.950	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.736.565.144	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>256.645.435.951</b>	<b>260.653.064.022</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>184.294.503.482</b>	<b>168.685.666.030</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	180.702.603.482	165.093.766.030
- Nguyên giá	222		352.428.375.628	330.020.168.061
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.725.772.146)	(164.926.402.031)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3.591.900.000	3.591.900.000
- Nguyên giá	228		9.767.833.720	9.767.833.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.175.933.720)	(6.175.933.720)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.566.066.167</b>	<b>40.171.240.412</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	21.566.066.167	40.171.240.412
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.09	<b>49.159.000.000</b>	<b>49.159.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		47.500.000.000	47.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.625.866.302</b>	<b>2.637.157.580</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	1.625.866.302	2.637.157.580
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>642.197.681.046</b>	<b>813.123.513.159</b>

**CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>400.300.290.817</b>	<b>553.015.721.777</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>399.500.290.817</b>	<b>552.215.721.777</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	104.187.184.456	122.275.437.447
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.269.113.445	885.934.228
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	762.154.244	7.523.446.920
4. Phải trả người lao động	314		7.287.137.717	29.406.504.248
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	16.542.070.223	1.611.192.882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		19.351.854.335	144.932.240.350
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	11.449.301.978	4.109.334.539
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	215.000.000.000	240.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	467.668.953
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.651.474.419	1.003.962.210
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337		800.000.000	800.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>241.897.390.229</b>	<b>260.107.791.382</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>241.897.390.229</b>	<b>260.107.791.382</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.761.750.304	30.972.151.457
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.360.517.121	233.174.112
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.401.233.183	30.738.977.345
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>642.197.681.046</b>	<b>813.123.513.159</b>



**Phạm Văn Đô**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

**Phan Vũ Thúy Anh**  
**Kế toán trưởng**

**Hoàng Thị Thùy Linh**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.16</b>	<b>362.944.158.308</b>	<b>426.747.941.748</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>362.944.158.308</b>	<b>426.747.941.748</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.17</b>	<b>319.204.575.008</b>	<b>372.569.551.449</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>43.739.583.300</b>	<b>54.178.390.299</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>VI.18</b>	1.146.095.536	265.795.337
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	56.018.000	429.874.252
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	410.295.271
8. Chi phí bán hàng	25	VI.20	7.612.775.926	8.097.503.040
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.20	25.952.173.809	27.606.804.902
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>11.264.711.101</b>	<b>18.310.003.442</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.21	234.232.560	873.252.684
12. Chi phí khác	32	VI.22	25.257.480	920.449.212
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>208.975.080</b>	<b>(47.196.528)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>11.473.686.181</b>	<b>18.262.806.914</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.072.452.998	1.692.788.860
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.401.233.183</b>	<b>16.570.018.054</b>



**Phạm Văn Đô**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

  
**Phan Vũ Thúy Anh**  
**Kế toán trưởng**

  
**Hoàng Thị Thùy Linh**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2018 VND	2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>11.473.686.181</b>	<b>18.262.806.914</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
+ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.799.370.115	12.604.309.179
+ Các khoản dự phòng	03	(467.668.953)	(2.989.364.911)
+ (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04	-	1.947
+ (Lãi) hoạt động đầu tư	05	(1.146.095.536)	(258.749.874)
+ Chi phí lãi vay	06	-	410.295.271
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>16.659.291.807</b>	<b>28.029.298.526</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	79.881.209.598	31.931.980.346
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	77.113.058.449	(64.801.532.194)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(153.400.563.875)	18.860.790.510
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.042.511.313	2.008.853.336
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(410.295.271)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.531.285.466)	(2.382.188.719)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.892.242.817
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(4.729.469.630)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>17.764.221.826</b>	<b>11.399.679.721</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.803.033.322)	(21.710.058.770)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.146.095.536	258.749.874
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.656.937.786)</b>	<b>(21.451.308.896)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	156.605.016.423
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.000.000.000)	(107.915.329.447)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.593.043.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(25.000.000.000)</b>	<b>43.096.643.576</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(9.892.715.960)</b>	<b>33.045.014.401</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>68.693.422.599</b>	<b>23.844.073.898</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.947)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>58.800.706.639</b>	<b>56.889.086.352</b>



**Phạm Văn Đô**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

**Phan Vũ Thúy Anh**  
**Kế toán trưởng**

**Hoàng Thị Thùy Linh**  
**Người lập**

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng). Cơ cấu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước	12.371.190	123.711.900.000	71,72 %
Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	500.000	5.000.000.000	2,9%
Vốn góp của cổ đông khác	4.378.810	43.788.100.000	25,38 %
<b>Cộng</b>	<b>17.250.000</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>100,00%</b>

##### 2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áo; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất đầu hút xi gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

### 3. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/6/2018, Công ty có các Công ty con và các đơn vị trực thuộc sau:

\* *Các Công ty con*

Tên	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 30/6/2018	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	8.000.000.000	8.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	9.500.000.000	9.500.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	30.000.000.000	30.000.000.000	100%

\* *Các đơn vị thành viên của Công ty*

- Chi nhánh Công ty cổ phần X20 - Xí nghiệp may 20C
- Xí nghiệp thương mại
- Xí nghiệp may 3
- Xí nghiệp dệt kim
- Xí nghiệp đo may quân đội

\* *Công ty liên doanh, liên kết*

- Công ty cổ phần 199 - Tỷ lệ sở hữu vốn 33,4%

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

*Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

*Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

#### **2. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

#### 5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

#### 6. GHI NHẬN DOANH THU

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### 7. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### **Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

---

#### **Nợ phải trả tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

#### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **9. BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	5.533.916.777	2.472.604.767
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.266.789.862	66.220.817.832
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>58.800.706.639</b>	<b>68.693.422.599</b>

**2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>111.316.330.290</b>	<b>232.448.211.908</b>
- Cục Quân nhu	29.247.433.925	157.872.832.856
- Công ty TNHH Thịnh Vượng Toàn Cầu	8.314.275.000	8.814.025.000
- Poongshin Co., LTD	8.878.676.217	8.360.489.320
- PRO SPORT (HK) LIMITED	4.380.661.775	8.068.883.923
- Công ty cổ phần Dệt may Bình Minh	12.231.517.759	25.598.930.431
- CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE	7.603.746.308	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	26.301.636.581	10.700.571.014
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	12.853.340.015	10.666.034.474
- Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	389.209.180	2.366.444.890
- Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	1.115.833.530	-

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.148.049.799</b>	-	<b>9.976.301.299</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	121.204.400	-	-	-
- Phải thu khác	9.692.028.838	-	9.045.217.311	-
- Tạm ứng	3.010.264.885	-	908.577.000	-
- Bảo hiểm xã hội	309.267.108	-	22.506.988	-
- Bảo hiểm y tế	6.478.860	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.805.708	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.148.049.799</b>	-	<b>9.976.301.299</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**4. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.585.035.855	(22.365.478)	52.275.499.767	(22.365.478)
Công cụ, dụng cụ	127.976.441	-	136.890.839	-
Chi phí SXKD dở dang	69.319.401.289	-	119.785.890.097	-
Thành phẩm	35.285.955.475	-	19.934.465.341	-
Hàng hóa	10.003.496.548	-	41.318.264.480	-
Hàng gửi bán	77.699.175	-	61.612.707	-
<b>Cộng</b>	<b>156.399.564.782</b>	<b>(22.365.478)</b>	<b>233.512.623.231</b>	<b>(22.365.478)</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>319.496.812</b>	<b>350.716.847</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	319.496.812	350.716.847
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.625.866.302</b>	<b>2.637.157.580</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.625.866.302	2.637.157.580

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết xem tại phụ lục số 01 đính kèm)****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>9.504.466.000</u>	<u>263.367.720</u>	<u>9.767.833.720</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Số đầu năm	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>5.912.566.000</u>	<u>263.367.720</u>	<u>6.175.933.720</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	<u>3.591.900.000</u>	-	<u>3.591.900.000</u>
Số cuối kỳ	<u>3.591.900.000</u>	-	<u>3.591.900.000</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá đánh giá lại</u> <u>VND</u>	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>	<u>Giá đánh giá lại</u> <u>VND</u>	<u>Giá gốc</u> <u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				-
Nhà xưởng XN dệt Nam Định	21.549.752.531	21.549.752.531	18.768.715.075	18.768.715.075
Dự án cải tạo XN may 20C	-	-	20.038.804.910	20.038.804.910
Dự án xây dựng cải tạo khác	16.313.636	16.313.636	1.363.720.427	1.363.720.427
<b>Cộng</b>	<b>21.566.066.167</b>	<b>21.566.066.167</b>	<b>40.171.240.412</b>	<b>40.171.240.412</b>

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Chi tiết xem tại phụ lục số 02 đính kèm)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**HUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>104.187.184.456</b>	<b>104.187.184.456</b>	<b>122.275.437.447</b>	<b>122.275.437.447</b>
- Công ty CP đầu tư và xây lắp Thành An 386	5.780.123.201	5.780.123.201	5.541.684.601	5.541.684.601
- Công ty cổ phần 22	5.757.615.650	5.757.615.650	1.253.918.970	1.253.918.970
- Công ty TNHH dệt may Hoàng Hà	3.790.423.201	3.790.423.201	16.454.488.346	16.454.488.346
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	35.218.622.596	35.218.622.596	35.440.133.503	35.440.133.503
- Công ty TNHH một thành viên dệt may 7	8.125.527.584	8.125.527.584	692.398.578	692.398.578
- Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN	11.863.783.195	11.863.783.195	10.252.719.650	10.252.719.650
- Phải trả khác	33.651.089.029	33.651.089.029	52.640.093.799	52.640.093.799
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	<b>2.556.844.940</b>	<b>2.556.844.940</b>
- Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	-	2.556.844.940	2.556.844.940

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong năm VND	Giá trị VND	Số cuối kỳ VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>7.523.446.920</b>	<b>4.421.749.834</b>	<b>11.183.042.510</b>	<b>762.154.244</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.999.975.738	3.004.129.300	7.296.531.781	707.573.257
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.505.674.201	1.072.452.998	3.531.285.466	46.841.733
- Thuế thu nhập cá nhân	17.796.981	141.162.023	151.219.750	7.739.254
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	196.005.513	196.005.513	-
- Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.542.070.223</b>	<b>1.611.192.882</b>
- Trích trước tiền lương nghỉ phép	438.176.724	1.611.192.882
Trích trước tiền điện phải trả	204.928.446	
- Tiền thuê đất Quốc phòng	1.025.852.103	-
- Tiền cổ tức phải trả trên phần vốn NN	14.868.676.000	-
- Chi phí trích trước khác	4.436.950	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-

**13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.449.301.978</b>	<b>4.109.334.539</b>
- Kinh phí công đoàn	620.262.323	333.088.402
- Bảo hiểm xã hội	2.253.325	11.844.817
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	69.008.000	54.008.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.757.778.330	3.710.393.320
+ <i>Cổ tức còn phải trả</i>	5.895.751.176	65.155.176
+ <i>Vật tư nhập kho chưa có HĐ GTGT</i>	3.245.350.698	3.133.361.155
+ <i>Tiền thu quỹ ủng hộ chưa nộp cấp trên</i>	110.250.000	-
+ <i>Phải trả đối tượng khác</i>	1.506.426.454	511.876.989
<b>b) Dài hạn</b>	<b>800.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	800.000.000	800.000.000

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

TT	Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>		<b>215.000.000.000</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>240.000.000.000</b>	<b>240.000.000.000</b>
-	Cục tài chính Bộ quốc phòng	215.000.000.000	215.000.000.000	240.000.000.000	240.000.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>		-	-	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>215.000.000.000</b>	<b>240.000.000.000</b>	<b>240.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2018</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>56.635.639.925</b>	<b>30.972.151.457</b>	<b>260.107.791.382</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	10.401.233.183	10.401.233.183
- Chi trả cổ tức <sup>(1)</sup>	-	-	20.700.000.000	20.700.000.000
- Phân phối lợi nhuận <sup>(1)</sup>	-	-	7.911.634.336	7.911.634.336
<b>30/6/2018</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>56.635.639.925</b>	<b>12.761.750.304</b>	<b>241.897.390.229</b>

<sup>(1)</sup> Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/5/2018.

**15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn Nhà nước	123.711.900.000	123.711.900.000
- Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	43.788.100.000	43.788.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>

**15.3 CỔ PHIẾU**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	357.745.719.224	423.490.103.503
- Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	5.198.439.084	3.257.838.245
<b>Cộng</b>	<b>362.944.158.308</b>	<b>426.747.941.748</b>

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	318.421.407.628	375.402.451.795
- Giá vốn dịch vụ	783.167.380	234.799.662
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(3.067.700.008)
<b>Cộng</b>	<b>319.204.575.008</b>	<b>372.569.551.449</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	946.134.979	26.489.874
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	199.080.000	232.260.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	880.557	7.045.463
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.146.095.536</b>	<b>265.795.337</b>

**19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
- Chi phí lãi vay	-	410.295.271
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	56.018.000	19.578.981
<b>Cộng</b>	<b>56.018.000</b>	<b>429.874.252</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>7.612.775.926</b>	<b>8.097.503.040</b>
- Chi phí nhân công	323.252.850	392.863.982
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.672.708.334	2.381.247.006
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	3.392.000	9.606.123
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.752.713.110	1.816.876.755
- Chi phí khác bằng tiền	860.709.632	3.496.909.174
<b>b. Chi phí quản lý</b>	<b>25.952.173.809</b>	<b>27.606.804.902</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.296.164.043	1.932.640.968
- Chi phí nhân công	12.392.972.999	12.951.672.209
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.787.376.952	1.127.122.986
- Thuế, phí, lệ phí	659.998.371	371.834.458
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.257.751.983	1.655.601.675
- Chi phí khác bằng tiền	5.557.909.461	9.567.932.606

**21. THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
- Tiền bồi thường bảo lữ	-	740.973.991
- Tiền cho thuê nhà công vụ	157.946.183	112.792.274
- Thu nhập khác	76.286.377	19.486.419
<b>Cộng</b>	<b>234.232.560</b>	<b>873.252.684</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
- Các khoản phạt, truy thu thuế	24.500.000	42.910.832
- Chi phí từ thanh lý TSCĐ	-	720.078.836
- Chi phí khắc phục bảo lữ	-	157.458.822
- Các khoản chi phí khác	757.480	722
<b>Cộng</b>	<b>25.257.480</b>	<b>920.449.212</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	105.161.553.139	283.854.665.067
Chi phí nhân công	62.641.534.110	104.733.598.790
Khấu hao tài sản cố định	8.342.540.715	12.051.033.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.391.070.483	12.325.841.966
Chi phí bằng tiền khác	10.414.968.758	11.012.365.662
<b>Cộng</b>	<b>243.951.667.205</b>	<b>423.977.504.486</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối kỳ VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.800.706.639	68.693.422.599
Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.464.380.089	242.424.513.207
Đầu tư dài hạn	49.159.000.000	49.159.000.000
<b>Cộng</b>	<b>232.424.086.728</b>	<b>360.276.935.806</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	215.000.000.000	240.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	115.813.970.786	126.839.838.767
Chi phí phải trả	16.542.070.223	1.611.192.882
<b>Cộng</b>	<b>347.356.041.009</b>	<b>368.451.031.649</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(114.931.954.281)</b>	<b>(8.174.095.843)</b>

Tại ngày 30/6/2018 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro.



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	215.000.000.000	-	215.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	115.013.970.786	800.000.000	115.813.970.786
Chi phí phải trả	16.542.070.223	-	16.542.070.223
<b>Cộng</b>	<b>346.556.041.009</b>	<b>800.000.000</b>	<b>347.356.041.009</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	240.000.000.000	-	240.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	126.039.838.767	800.000.000	126.839.838.767
Chi phí phải trả	1.611.192.882	-	1.611.192.882
<b>Cộng</b>	<b>367.651.031.649</b>	<b>800.000.000</b>	<b>368.451.031.649</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1-5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.800.706.639	-	58.800.706.639
Phải thu khách hàng và phải thu khác	124.464.380.089	-	124.464.380.089
Đầu tư dài hạn	-	49.159.000.000	49.159.000.000
<b>Cộng</b>	<b>183.265.086.728</b>	<b>49.159.000.000</b>	<b>232.424.086.728</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.693.422.599	-	68.693.422.599
Phải thu khách hàng và phải thu khác	242.424.513.207	-	242.424.513.207
Đầu tư dài hạn	-	49.159.000.000	49.159.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**25. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

**26. BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
<b>Thu nhập của HĐQT, BKS và ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2.037.576.073</b>	<b>1.969.038.174</b>
Thù lao và thu nhập của HĐQT và BKS	1.240.332.083	1.020.905.607
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	797.243.990	948.132.567

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con	Chi phí thuê gia công	4.170.163.571
		Bán và cho thuê TS	286.626.908
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con	Chi phí thuê gia công	12.608.678.701
		Bán và cho thuê TS	985.145.617
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con	Chi phí thuê gia công	6.336.243.801
		Bán và cho thuê TS	487.142.880
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Bán vật tư và cho thuê mặt bằng	309.886.271
		Cổ tức được chia	199.080.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con	Phải thu khách hàng	12.853.340.015
		Trả trước người bán	16.936.859.303
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con	Phải thu khách hàng	389.209.179
		Trả trước người bán	498.478.641
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con	Phải thu khách hàng	1.115.833.530
		Phải trả người bán	508.260.122
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	340.874.898
		Phải trả người bán	508.260.122

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

---

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Thông tin so sánh**

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được soát xét.



**Phạm Văn Đô**  
**Chủ tịch HĐQT**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

**Phan Vũ Thúy Anh**  
**Kế toán trưởng**

**Hoàng Thị Thùy Linh**  
**Người lập**

**TY CỔ PHẦN X20**  
 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội  
**ÉT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	203.203.157.986	104.431.500.359	12.001.342.408	4.192.809.181	6.191.358.127	330.020.168.061
- Mua trong năm	-	1.240.249.874	-	64.236.000	-	1.304.485.874
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	22.646.892.293	-	-	-	-	22.646.892.293
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.543:170.600)	-	-	-	(1.543.170.600)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>225.850.050.279</b>	<b>104.128.579.633</b>	<b>12.001.342.408</b>	<b>4.257.045.181</b>	<b>6.191.358.127</b>	<b>352.428.375.628</b>

**HAO MÒN LÚY KẾ**

Số đầu năm	82.056.273.737	70.554.778.373	8.659.241.667	2.478.573.298	1.177.534.956	164.926.402.031
- Khấu hao trong năm	5.391.840.695	2.314.586.958	217.221.525	418.891.537	-	8.342.540.715
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.543.170.600)	-	-	-	(1.543.170.600)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>87.448.114.432</b>	<b>71.326.194.731</b>	<b>8.876.463.192</b>	<b>2.897.464.835</b>	<b>1.177.534.956</b>	<b>171.725.772.146</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số đầu năm	121.146.884.249	33.876.721.986	3.342.100.741	1.714.235.883	5.013.823.171	165.093.766.030
Số cuối kỳ	138.401.935.847	32.802.384.902	3.124.879.216	1.359.580.346	5.013.823.171	180.702.603.482

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

**ÝẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

ý kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2018

**ec 02: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Tỷ lệ Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>						
Y TNHH MTV X20 Thanh Hóa	100%	100%	47.500.000.000	-	47.500.000.000	-
Y TNHH MTV X20 Thái	100%	100%	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Y TNHH MTV X20 Nam Định	100%	100%	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>						
Y cổ phần 199	33,40%	33,40%	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
			<b>1.659.000.000</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.659.000.000</b>
			1.659.000.000	-	1.659.000.000	-